

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hào

Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ15/3/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1983. HKTT: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Hải L, sinh năm 1978. HKTT và nơi ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 07 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Qua một thời gian quen biết, vào năm 2000 được sự đồng ý của hai bên gia đình chúng tôi tự nguyện về sống chung với nhau, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Bà và ông Võ Văn H Lớn làm ăn và sinh sống tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Trong thời gian sống chung, bà và ông Hải L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến cãi vã, không hạnh phúc. Đến nay mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Giữa bà và ông Hải L có 03 con chung nhưng do không có đăng ký kết hôn nên các con đều lấy họ mẹ gồm Lê Hoài N (nam) sinh ngày 01/4/2001, Lê Hoài A (nam) sinh ngày 29/10/2003 và Lê Thị Bảo N1 (nữ) sinh ngày 15/5/2011 hiện đang sống chung với bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Hải L không có tài sản chung và nợ chung.

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn H Lớn và yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Bảo N1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Võ Văn Hải L không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Văn Hải L có nơi cư trú tại Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Võ Văn Hải L được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Hải L.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T xác định bà và ông Võ Văn H Lớn sống chung với nhau từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Võ Văn Hải L không thể hiện ý kiến. Tại giấy xác nhận của UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thể hiện bà T hiện tại chưa kết hôn với ai. Tại văn bản số 374/UBND-TP ngày 06/6/2024 của UBND xã H, huyện V, tỉnh Long An thể hiện bà T và ông H không có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Từ những cơ sở trên có căn cứ khẳng định bà T và ông Hải L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì bà T và ông Hải L thuộc trường hợp không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị T cho rằng giữa bà và ông Võ Văn Hải L có 03 con chung Lê Hoài N (nam) sinh ngày 01/4/2001, Lê Hoài A (nam) sinh ngày 29/10/2003 và Lê Thị Bảo N1 (nữ) sinh ngày 15/5/2011. Hai cháu N và A đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Văn Hải L không thể hiện ý kiến. Tại bản tự khai ngày 19/3/2024 cháu N1 xác định cha tên Võ Văn Hải L, mẹ tên Lê Thị T, nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Nên cần giao cháu N1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp có tranh chấp về việc xác định cha, con thì Tòa án xem xét, giải quyết thành một vụ kiện khác. Bà Lê Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập đến.

[5] Về tài sản và nợ: Bà Lê Thị T xác định giữa bà và ông Võ Văn H Lớn không có tài sản chung và nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Áp dụng khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tuyên bố: Không công nhận bà Lê Thị T và ông Võ Văn Hải L là vợ chồng.

2. Về con cái: Giao cháu Lê Thị Bảo N1 (nữ) sinh ngày 15/5/2011 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002525 ngày 15/3/2024 sang tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Hảo Nguyễn Văn L1

Phạm Thị T1